|  |  |
| --- | --- |
| **UBND HUYỆN SÓC SƠN**  **NĂM HỌC 2023-2024** | **KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**  **Môn: Ngữ Văn 7**  **Thời gian: 90 phút *(không tính giao đề)*** |

**I. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/ đơn vị kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng**  **%**  **điểm** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL | TNKQ | TL |  |
| **I** | **Đọc, hiểu** | -Truyện ngụ ngôn  - Thơ  - Nghị luận xã hội  -Tản văn - tùy bút  - Văn bản thông tin | 5 | 0 | 3 | 0 | 0 | 2 | 0 | 0 | 60% |
| **II** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 0 | 1\* | 40% |
| Tổng câu | | | 5 | 1\* | 3 | 1\* | 0 | 2+1\* | 0 | 1\* |  |
| Tổng điểm (tỉ lệ %) | | | 2,5 | 0,5 | 1,5 | 1,5 | 0 | 2,0 +1,0 | 0 | 1,0 |  |
| ***3,0 đ = 30%*** | | ***3,0đ = 30 %*** | | ***3đ = 30%*** | | ***1đ = 10%*** | |  |
| ***Tỉ lệ chung %*** | | | ***60%*** | | | | ***40%*** | | | | ***100%*** |

**II. BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Kĩ năng** | **Nội dung/**  **Đơn vị kiến thức** | **Mức độ đánh giá** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** | |
| **I** | **Đọc , hiểu** | Truyện ngụ ngôn | **1.Nhận biết**:  - Nhận biết được đề tài, chi tiết tiêu biểu của văn bản.  - Nhận biết được ngôi kể, đặc điểm của lời kể trong truyện.  - Nhận diện được nhân vật, tình huống, cốt truyện, không gian, thời gian trong truyện ngụ ngôn.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **2.Thông hiểu**:  - Tóm tắt được cốt truyện.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Phân tích, lí giải được ý nghĩa, tác dụng của các chi tiết tiêu biểu.  - Trình bày được tính cách nhân vật thể hiện qua cử chỉ, hành động, lời thoại; qua lời của người kể chuyện.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; biện pháp tu từ nói quá, nói giảm nói tránh.  **3.Vận dụng:** Rút ra được bài học cho bản thân từ nội dung, ý nghĩa của câu chuyện trong tác phẩm.  **4.Vận dụng cao:** Thể hiện được thái độ đồng tình / không đồng tình / đồng tình một phần với bài học được thể hiện qua tác phẩm. |  |  |  |  | |
| Thơ | **1.Nhận biết:**  - Nhận biết được từ ngữ, vần, nhịp, các biện pháp tu từ trong bài thơ.  - Nhận biệt được bố cục, những hình ảnh tiểu biểu, các yếu tố tự sự, miêu tả được sử dụng trong bài thơ.  - Xác định được một số biện pháp tu từ.  **2.Thông hiểu:**  - Hiểu và lí giải được tình cảm, cảm xúc của nhân vật trữ tình được thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.  - Phân tích được giá trị biểu đạt của từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ, từ trái nghĩa, câu hỏi tu từ  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng.  **3.Vận dụng:** Trình bày được những cảm nhận sâu sắc và rút ra được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  **4.Vận dụng cao:**  Đánh giá được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua cách nhìn riêng về con người, cuộc sống; qua cách sử dụng từ ngữ, hình ảnh, giọng điệu. |  |  |  | |  |
| Nghị luận xã hội | **1.Nhận biết**:  - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống và nghị luận phân tích một tác phẩm văn học.  - Nhận biết được các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản nghị luận.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ).  **2.Thông hiểu**:  - Xác định được mục đích, nội dung chính của văn bản.  - Chỉ ra được mối liên hệ giữa ý kiến, lí lẽ và bằng chứng.  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; các biện pháp tu từ như: nói quá, nói giảm nói tránh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **3. Vận dụng:** Rút ra những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản.  **4.Vận dụng cao:** Thể hiện được thái độ đồng tình hoặc không đồng tình với vấn đề đặt ra trong văn bản. |  |  |  | |  |
| Tản văn, tùy bút | **1.Nhận biết**  - Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, cảnh vật, con người, sự kiện được tái hiện trong tuỳ bút, tản văn.  - Nhận biết được cái tôi, sự kết hợp giữa chất tự sự, trữ tình, nghị luận, đặc trưng ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn.  - Xác định được phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ, từ Hán Việt).  **2.Thông hiểu:**  - Phân tích được nét riêng về cảnh vật, con người được tái hiện trong tùy bút, tản văn.  - Hiểu và lí giải được những trạng thái tình cảm, cảm xúc của người viết được thể hiện qua văn bản.  - Nêu được chủ đề, thông điệp mà văn bản muốn gửi đến người đọc.  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản.  **3.Vận dụng:** Thể hiện được thái độ với tình cảm, thông điệp của tác giả trong tùy bút,tản văn.  **4.Vận dụng cao: Rút ra** được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu thêm về nhân vật, sự việc trong tuỳ bút, tản văn. | **55TN** | **3TN** | **2TL** | |  |
| Văn bản thông tin | **1.Nhận biết**:  - Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Nhận biết được đặc điểm văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động.  - Xác định được số từ, phó từ, các thành phần chính và thành phần trạng ngữ trong câu (mở rộng bằng cụm từ), thuật ngữ.  **2.Thông hiểu**:  - Chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm với mục đích của văn bản.  - Chỉ ra được vai trò của các chi tiết trong việc thể hiện thông tin cơ bản của văn bản thông tin.  - Chỉ ra được tác dụng của cước chú, tài liệu tham khảo trong văn bản thông tin.  - Chỉ ra được cách triển khai các ý tưởng và thông tin trong văn bản (chẳng hạn theo trật tự thời gian, quan hệ nhân quả, mức độ quan trọng, hoặc các đối tượng được phân loại).  - Giải thích được ý nghĩa, tác dụng của thành ngữ, tục ngữ; nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng; nghĩa của từ trong ngữ cảnh; công dụng của dấu chấm lửng; chức năng của liên kết và mạch lạc trong văn bản, thuật ngữ.  **3.Vận dụng:** Đánh giá được tác dụng biểu đạt của một kiểu phương tiện phi ngôn ngữ trong một văn bản in hoặc văn bản điện tử.  **4.Vận dụng cao:** Rút ra được những bài học cho bản thân từ nội dung văn bản. |  |  |  | |  |
|  |
| **II** | **Viết** | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống. | **1.Nhận biết:**  **-** Nhận biết được yêu cầu của đề về kiểu văn bản, về vấn đề nghị luận.  - Xác định được cách thức trình bày đoạn văn.  **2.Thông hiểu:** Viết đúng về nội dung, về hình thức của kiểu văn bản (luận điểm, lí lẽ, dẫn chứng, lập luận, từ ngữ, diễn đạt, bố cục, …)  **3.Vận dụng:** Các kĩ năng dùng từ, viết câu, các phép liên kết, các phương thức biểu đạt, các thao tác lập luận để làm bài.  **4.Vận dụng cao:** Có sáng tạo trong diễn đạt, lập luận làm cho lời văn có giọng điệu, hình ảnh, bài văn giàu sức thuyết phục. | **1\*TL** | **1\*TL** | **1\*TL** | | **1\* TL** |
|  |
| ***Tổng*** | | |  | ***5TN***  ***1\*TL*** | ***3TN***  ***1\*TL*** | ***2 TL***  ***1\*TL*** | | ***1\* TL*** |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | ***30%*** | ***30%*** | ***30%*** | | ***10%*** |
| ***Tỉ lệ chung*** | | |  | ***60%*** | | ***40%*** | | |

**III. ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

**I. ĐỌC HIỂU (6,0 điểm) :**

***Đọc kĩ văn bản sau và trả lời câu hỏi bằng cách khoanh tròn chữ cái đứng trước đáp án đúng:***

**CÁNH DIỀU TUỔI THƠ**

*“Tuổi thơ của tôi được nâng lên từ những cánh diều.*

*Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng chúng tôi hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm. Chúng tôi vui sướng đến phát dại nhìn lên trời. Tiếng sáo diều vi vu trầm bổng. Sáo đơn, rồi sáo kép, sáo bè,... như gọi thấp xuống những vì sao sớm.*

*Ban đêm, trên bãi thả diều thật không còn gì huyền ảo hơn. Có cảm giác diều đang trôi trên dải Ngân Hà. Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ. Có cái gì cứ cháy lên, cháy mãi trong tâm hồn chúng tôi. Sau này, tôi mới hiểu đấy là khát vọng. Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên áo xanh bay xuống từ trời và bao giờ cũng hy vọng khi tha thiết cầu xin: "Bay đi diều ơi! Bay đi!" Cánh diều tuổi ngọc ngà bay đi, mang theo nỗi khát khao của tôi.”*

*(Cánh diều tuổi thơ - Tạ Duy Anh, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017)*

**Câu 1.** Văn bản trên thuộc thể loại nào?

A**.**Thể loại tản văn B.Thể loại du kíC.Thể loại truyện D.Thể loại hồi kí

**Câu 2:** Tuổi thơ của tác giả gắn với hình ảnh nào?

A.Dòng sông B.Cánh đồng C. Cánh diều D. Cánh cò

**Câu 3:**Từ ngữ in đậm trong các câu văn dưới đây được sử dung theo hình thức liên kếtnào?

*“Chiều chiều, trên bãi thả, đám trẻ mục đồng* ***chúng tôi*** *hò hét nhau thả diều thi. Cánh diều mềm mại như cánh bướm.* ***Chúng tôi*** *vui sướng đến phát dại nhìn lên trời.”*

A. Phép thế B. Phép lặp C. Phép liên tưởng D. Phép nối

**Câu 4.** Từ nào sau đây là từ Hán Việt ?

A. Cánh đồng B. Cánh diều C. Sáo diều D. Ngân Hà

**Câu 5.** Từ “ *mục đồng* ” trong văn bản trên có nghĩa là gì**?**

1. Trẻ em chăn trâu. B. Trẻ em cưỡi trâu. C. Trẻ em thổi sáo D. Trẻ em thả diều.

**Câu 6: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống:**

*T****hông điệp chính mà tác giả muốn gửi tới bạn đọc qua văn bản  là hãy trân quí những………………… của chúng ta lúc tuổi thơ. Đó chính là những khát vọng*** *sống của con người như những cánh diều bay trên bầu trời rộng lớn, thỏa sức mình, nỗ lực chiến đấu cho cuộc đời.*

A. tình yêu B. nghị lực C. niềm vui D. ước mơ

**Câu 7:** Câu *"Tôi đã ngửa cổ suốt một thời mới lớn để chờ đợi một nàng tiên xanh..."* cho thấy cho thấy trẻ em có tâm hồn như thế nào?

A. Tâm hồn hay lạc quan. B.Tâm hồn hay ảo tưởng.

C. Tâm hồn hay tò mò. D. Tâm hồn hay mộng mơ.

**Câu 8:** Chỉ ra biện pháp tu từ đặc sắc trong câu văn: “*Bầu trời tự do đẹp như một thảm nhung khổng lồ.”*

A. Ẩn dụ B. Hoán dụ C. Nhân hóa D. So sánh

**Câu 9:** Tuổi thơ của mỗi đứa trẻ thường gắn với những trò chơi thú vị, em hãy nêu cảm nhận về một trò chơi đã gắn bó với tuổi thơ của mình .

**Câu 10:** Tuổi thơ của em đã có những ước mơ nào ? Ước mơ đó có ý nghĩa gì với em?

**II. VIẾT (4,0 điểm):**

Có ý kiến cho rằng: *"Trong quá trình học tập thì tự học là con đường ngắn nhất để dẫn đến thành công”.* Em hãy viết bài văn bày tỏ quan điểm của mình về ý kiến trên?

**HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Phần** | **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **I** |  | **ĐỌC, HIỂU** | **6,0** |
|  | **1** | A | 0,5 |
| **2** | B | 0,5 |
| **3** | B | 0,5 |
| **4** | B | 0,5 |
| **5** | A | 0,5 |
| **6** | D | 0,5 |
| **7** | D | 0,5 |
| **8** | A | 0,5 |
|  | **9** | HS có thể trình bày những cảm nhận về trò chơi gắn bó với tuổi thơ theo những ý khác nhau.  **Gợi ý**:  - Giới thiệu được trò chơi.  - Bày tỏ được tình cảm của bản thân với những kỉ niệm gắn bó trò chơi ấy.  *\* Lưu ý: GV tôn trọng cách cảm nhận riêng của HS nếu đó là những cảm nghĩ xuất phát từ trò chơi gắn bó với tuổi thơ một cách hợp lí.* | 0,25  0,75 |
|  | **10** | HS có thể chia sẻ những ước mơ của tuổi thơ theo những ý khác nhau.  **Gợi ý**:  - HS chia sẻ ước mơ của mình.  - Ý nghĩa của ước mơ :  + Ước mơ tạo cho con người niềm say mê và thích thú theo đuổi công việc của mình.  + Ước mơ là mục tiêu phấn đấu để không bao giờ cảm thấy nhàm chán.  + Ước mơ khiến con người trở nên vĩ đại hơn bởi vì được xây dựng bởi lí tưởng và tâm hồn của những con người biết khát khao, biết cố gắng  + ……  *\* Lưu ý: GV tôn trọng những chia sẻ theo cách riêng của HS nếu đó là những chia sẻ xuất phát từ ước mơ của tuổi thơ một cách hợp lí.* | 0,25  0,75 |
| **II** |  | **VIẾT** | **4,0** |
|  | **1. Nhận biết( 0,5 điểm):**  - Xác định được kiểu bài (nghị luận trình bày quan điểm về tinh thần tự học).  - Đảm bảo cấu trúc bài văn. | 0,25  0,25 |
|  | **2. Thông hiểu (1,5 điểm):**  \* **Mở bài** :  - Dẫn dắt vắn đề.  - Nêu được vấn đề cần nghị luận: *Tinh thần tự học*  **\* Thân bài:**  - Giải thích khái niệm *tự học*:  - Biểu hiện của người có *tinh thần tự học*:  *Học sinh tự lấy dẫn chứng về những người ham học, có tinh thần tự học và thành công để minh họa cho bài văn của mình.*  *( một số tấm gương trong sách, báo và đời sống thực tế).*  - Phân tích vai trò, ý nghĩa của việc *tự học*:  - Mở rộng vấn đề: Phê phán một số người không có tinh thần tự học.  - Bài học nhận thức và phương hướng hành động:  **\* Kết bài:**  - Đánh giá, khẳng định tính đúng đắn của vấn đề nghị luận.  - Nêu suy nghĩ về hướng rèn luyện của bản thân. | 0,25    1,0        0,25 |
|  | **3. Vận dụng (1,0 điểm):**  - Trình bày được ý kiến của bản thân một cách thuyết phục về vấn đề nghị luận.  - Trình bày hệ thống luận điểm, luận cứ (dẫn chứng và lí lẽ theo một trình tự hợp lí để làm sáng tỏ vấn đề đã nêu. | 0,5  0,5 |
|  | **4. Vận dụng cao (1,0 điểm):**  - Bố cục mạch lạc, có sự sáng tạo về dùng từ, diễn đạt  - Biết lựa chọn dẫn chứng tiêu biểu, xác thực, đa dạng và lí lẽ rõ rang, sắc bén để bày tỏ ý kiến của mình một cách thuyết phục. | 0,25  0,75 |
| **\* Lưu ý** :  *Trừ mỗi loại lỗi chính tả, ngữ pháp, diễn đạt... 0,25 điểm; toàn bài không trừ quá 1,0 điểm*. | | |  |